TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đém

2. Ông Nguyễn Hải Nam

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hạ L, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: số A, đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Anh Mai Tấn Đ, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Hạ L trình bày: Vào năm 2000 chị và anh Mai Tấn Đ quen biết, tìm hiểu và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Có một thời gian sống ở thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Từ khi chị đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 6 năm 2014 đến nay thì vợ chồng không còn sống chung. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý

kiến nên vợ chồng thường xuyên cự cải. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung có một con chung là Mai Hữu N, sinh ngày 24/10/2001 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản (biên bản hòa giải ngày 03/3/2025) của bị đơn anh Mai Tấn Đ trình bày: Anh thống nhất theo lời trình của chị L về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh xác định anh và chị L quen biết, tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng ý kiến nên vợ chồng thường cự cải. Nay xác định không còn tình cảm với chị L nên anh đồng ý ly hôn. Về con chung có một con chung là Mai Hữu N, sinh ngày 24/10/2001 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị Hạ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Mai Tấn Đ địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Trương Thị Hạ L và anh Mai Tấn Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị Hạ L và anh Mai Tấn Đ quen biết, tìm hiểu và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ cũng đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị L và anh Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị Hạ L và anh Mai Tấn Đ có một con

chung tên Mai Hữu N, sinh ngày 24/10/2001 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị Trương Thị Hạ L và anh Mai Tấn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Hạ L nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9,14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chị Trương Thị Hạ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị Hạ L và anh Mai Tấn Đ là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trương Thị Hạ L có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu số 0011856 ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Bá Phúc